TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Cư sĩ Mạc Cửu và hành trình khai mở Phật giáo Hà Tiên

ISSN: 2734-9195 11:13 10/07/2026

Đó không chỉ là lời khen dành cho một vị quan tài năng, mà còn là sự xác nhận của lịch sử đối với một nhân cách lớn: người đã dùng học vấn để lập thân, dùng chính sự để giúp đời, và dùng đức hạnh để làm sáng rỡ gia phong họ Mạc.

Nhắc đến Khai trấn Thượng trụ quốc Đại tướng quân Vũ Nghị Công Mạc Cửu (1655-1735) người đời thường nhớ ngay đến một nhà khai hoang lỗi lạc, bậc khai trấn có công mở cõi và định hình vùng đất Hà Tiên nơi cực Tây Nam đất Việt. Thế nhưng, phía sau tầm vóc của một vị thủ lĩnh mở đất, Mạc Cửu còn hiện lên như một bậc trưởng lão cư sĩ, một Phật tử hộ pháp có ảnh hưởng sâu sắc đối với đời sống Phật giáo Đại thừa tại vùng Tây Nam Bộ.

Mạc Cửu: Vị cư sĩ phật tử hộ pháp và người khai mở cõi Hà Tiên

Trải qua hàng thế kỷ, dấu ấn của ông vẫn còn đậm nét trong ký ức lịch sử phương Nam, bởi nơi con người ấy đã hội tụ một cách hiếm có ba phẩm chất lớn: tài năng kinh tế của một nhà tổ chức thương cảng, tầm nhìn chính trị của một bậc khai cơ lập nghiệp, và đạo tâm hộ trì chính pháp của một người cư sĩ biết lấy đức làm gốc, lấy dân làm nền, lấy an cư làm đại nguyện.



Giữa buổi chuyển giao đầy biến động từ triều Minh sang triều Thanh, giông bão thời cuộc cùng cuộc mưu sinh khắc nghiệt đã đẩy đưa muôn vàn lưu dân miền duyên hải Trung Hoa bước vào một cuộc phân ly lịch sử. Rời bỏ mảnh đất chôn nhau cắt rốn, họ rẽ sóng ra khơi, gửi vận mệnh vào lòng biển cả mênh mông, đi tìm một miền đất mới nơi phương Nam xa thẳm.

Năm Tân Hợi 1671, nhằm niên hiệu Khang Hy thứ mười dưới triều Đại Thanh, cuộc viễn xứ ấy đã ghi dấu một bước ngoặt đặc biệt. Vì không cam chịu cảnh giang sơn rơi vào tay ngoại tộc, Cư sĩ Phật tử **Mạc Cửu** - 鄚玖 - còn được gọi là

Mạc Kính Cửu - 鄚敬玖, 1655–1735 - người con của vùng Hải Khang, Lôi Châu, Quảng Đông, đã hiệu triệu gia tộc và thuộc chúng dứt áo ra khơi.

Từ cố quận Lôi Châu, đoàn người ấy vượt qua sóng gió Hải Nam, xuôi về phương Nam, tìm đường nương náu nơi vương quốc Chân Lạp bên dòng Mê Kông. Và rồi, tại dải đất Hà Tiên còn hoang sơ bên bờ vịnh Xiêm, người cư sĩ họ Mạc đã dốc lòng khẩn hoang lập ấp, chiêu tập lưu dân, mở mang phố chợ, dựng nền thương cảng, từng bước biến nơi đây thành một "**Cảng Khẩu quốc**" -港口國 - phồn vinh, nơi người Hoa, người Việt và cư dân bản địa cùng hòa cư, giao thương và chung sức kiến tạo đời sống.

Để tìm một điểm tựa vững bền cho cơ nghiệp mới gầy dựng, Mạc Cửu đã hướng về chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Ông dâng biểu xưng thần, quy thuận Quốc chúa Minh Vương Nguyễn Phúc Chu - 阮福凋, 1675–1725 - vị chúa Nguyễn đang chèo lái phương Nam giữa dòng thác biến động của thời Lê trung hưng. Từ bước ngoặt ấy, Hà Tiên không chỉ là nơi tụ cư của lưu dân, mà dần trở thành một tiền trấn quan trọng trong tiến trình mở cõi phương Nam của dân tộc Việt Nam.

Kế thừa chí lớn sau khi thân phụ tạ thế, người con hiếu tử Mạc Thiên Tứ -- 鄚天錫, 1700–1780, thường được biết đến trong nhiều nguồn sử liệu với danh xưng Mạc Thiên Tích, đã tiếp bước cha mình, viết tiếp trang sử vàng cho dải đất Hà Tiên. Mang tư duy nhạy bén của một bậc cư sĩ Phật tử, ông dốc lực khơi thông mạch máu kinh tế, mở rộng cửa biển để giao thương với muôn phương.

Từ Trung Hoa, bán đảo Mã Lai, quần đảo Indonesia, Xiêm La, Hà Lan cho đến Nhật Bản, những đoàn thương thuyền tấp nập ngược xuôi, đưa Hà Tiên trở thành một thương cảng thịnh vượng bậc nhất vùng Đông Nam Á đương thời. Được ví như một "Quảng Châu thu nhỏ" nơi bờ Đông vịnh Xiêm, dải đất biên thùy ấy đã trở thành một điểm hội tụ của thương mại, văn hóa, Phật pháp và tinh thần khai mở, góp phần quan trọng vào tiến trình phát triển văn minh của vùng đất Nam Bộ.

Để mở lại những lớp trầm tích lịch sử về dòng tộc họ Mạc, trong những năm gần đây, tôi đã dấn thân vào một hành trình kết nối hai miền đất: từ dải biên thùy Hà Tiên của Việt Nam ngược về vùng Lôi Châu, Quảng Đông. Giữa khói hương trầm mặc của ngôi đền thờ tổ tiên họ Mạc tại Hà Tiên, và trong tĩnh lặng của nghĩa trang gia tộc nơi thôn Đông Lĩnh, Lôi Châu, tôi may mắn tìm thấy những văn bia, tộc phả quý báu - những sử liệu vô giá còn lặng lẽ ngủ yên cùng thời gian.

Kế thừa thành tựu của các bậc tiền nhân, tôi đã đem những tư liệu mới ấy đối chiếu với toàn bộ tiến trình lịch sử: từ thuở sơ khởi của dòng họ, cuộc viễn xứ về phương Nam của Cư sĩ Mạc Cửu, cho đến chương sử thăng trầm của chính quyền cha con họ Mạc trên đất Hà Tiên.

Bản nghiên cứu này là kết quả của những năm tháng trăn trở, khảo cứu và tìm về dấu tích xưa, với khát vọng góp thêm một góc nhìn mới cho sử học về gia tộc họ Mạc. Qua đó, hình ảnh Mạc Cửu không chỉ được nhìn lại như một vị khai trấn mở cõi, mà còn như một bậc cư sĩ Phật tử hộ pháp, người đã đem trí tuệ, đức độ và đạo tâm của mình để dựng nên một miền đất phồn vinh, an hòa và thấm đẫm tinh thần Phật giáo nơi tận cùng phương Nam cõi Việt.

Thế kỷ XVII, khi đất nước Trung Hoa chìm trong cơn dâu bể của buổi "cải triều hoán đại" — 改朝換代 - một làn sóng di cư rộng lớn đã bùng lên dữ dội. Không chịu khuất phục trước sự thống trị của vương triều Đại Thanh, hàng vạn người dân đã gạt nước mắt rời bỏ quê hương, dấn thân đi tìm đất sống nơi viễn xứ.

Từ miền duyên hải Hoa Nam, họ tản mác về nhiều hướng: có người vượt sang Triều Tiên, Nhật Bản ở Đông Bắc Á; có người xuôi theo bờ sóng xuống An Nam, Cao Miên, Xiêm La; có người tiếp tục dấn bước vào bán đảo Mã Lai, rồi trôi dạt đến tận những quần đảo xa xôi của Indonesia và Philippines. Đó là một chương sử thấm đẫm máu và nước mắt của những bóng hình lưu vong - những phận người bị bão táp thời cuộc và muôn vàn hiểm nguy bủa vây, buộc phải bứng rễ khỏi mảnh đất chôn nhau cắt rốn.

Trong làn sóng ly hương ấy, những biến động chính trị sau cuộc thay triều Minh - Thanh đã trở thành xung lực mạnh mẽ thúc đẩy dòng lưu dân người Hoa rẽ sóng hướng ra biển lớn. Vào năm Tân Hợi 1671, nhằm niên hiệu Khang Hy thứ mười, Cư sĩ Phật tử **Mạc Cửu** - người con của vùng Hải Khang, Lôi Châu, Quảng Đông - đã quyết định rời bỏ cố quận, chọn vương quốc Phật giáo Chân Lạp bên dòng Mê Kông và Biển Hồ Tonlé Sap - tiếng Khmer: □□□□□□□□□□ - làm nơi dừng chân viễn xứ.

Tại dải đất Hà Tiên còn hoang sơ nơi bờ Đông vịnh Xiêm, ông bắt đầu đặt những viên đá đầu tiên cho một cơ nghiệp mới. Bằng tài năng chiêu tập lưu dân, khả năng tổ chức thương mại và tầm nhìn chính trị sâu rộng, Mạc Cửu từng bước xây dựng một chính quyền bản địa mang tính tự trị cao, lấy cộng đồng người Hoa làm nòng cốt, đồng thời dung nạp người Việt và cư dân bản địa vào một trật tự cộng cư mới.

Dưới sự điều phối của ông, Hà Tiên dần có đội ngũ thủ lĩnh địa phương uy tín, có lực lượng phòng vệ riêng, có khả năng giao thiệp với các thế lực lân bang, và

đặc biệt có nền kinh tế thương cảng ngày càng phồn thịnh. Để tìm kiếm một chỗ dựa vững chắc giữa thời cuộc Lê Trung hưng đầy biến động, Mạc Cửu đã lựa chọn quy phục chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong, trở thành phiên thần của Minh Vương Nguyễn Phúc Chu - 阮福凋, 1675-1725, vị chúa Nguyễn được hậu thế tôn xưng là bậc Quốc chúa Bồ Tát tại gia.

Từ quyết định ấy, Hà Tiên không còn đơn thuần là nơi tụ cư của lưu dân nơi biên hải, mà từng bước bước vào bản đồ chính trị của phương Nam Đại Việt, trở thành một tiền trấn quan trọng trong tiến trình mở cõi nơi cực Tây Nam đất nước.

Nối nghiệp cha trên dải đất biên thùy, người con hiếu tử - Cư sĩ Phật tử **Mạc Thiên Tứ**, thường được biết đến với danh xưng Cư sĩ Mạc Thiên Tích - đã tiếp tục đưa cơ nghiệp Hà Tiên bước vào thời kỳ rực rỡ. Ông chọn điển chương, lễ nhạc và dòng chảy văn hóa Đại Minh làm mẫu mực để kiến thiết giang sơn; cho dựng xây các tự viện Phật giáo, lập những lớp Nghĩa học để gieo hương chữ nghĩa, đồng thời mở lòng dung hòa văn hóa các tộc người bản địa với những sắc màu tín ngưỡng và tôn giáo đến từ phương Tây.

Giữa sóng gió trùng khơi, một nền văn hiến đặc sắc dần hình thành, mang cốt cách của một "**y quan văn vật chi bang**" - 衣冠文物之邦 - một vùng đất có lễ nghi, học thuật và phong vị văn hóa đậm đà tinh thần phương Đông. Không chỉ dừng lại trong phạm vi bờ cõi Hà Tiên, bằng những quyết sách quân sự và ngoại giao khôn khéo giữa bàn cờ chính trị Đông Dương, Mạc Thiên Tích còn để lại những dấu ấn sâu sắc trong tiến trình lịch sử của cả Việt Nam và Campuchia.

Hành trạng của gia tộc họ Mạc cùng tiến trình hình thành, phát triển của chính quyền Hà Tiên đã được ghi chép và đối chiếu trong nhiều kho tàng cổ thư quan trọng của Việt Nam và Trung Hoa.

Về phía sử liệu Việt Nam, danh tác Gia Định thành thông chí - 嘉定城通志 - của nhà cổ tịch học Trịnh Hoài Đức, cùng Hà Tiên trấn Hiệp trấn Mạc thị gia phả - 河僊鎮協鎮鄚氏家譜 - do Vũ Thế Doanh biên soạn, giữ vai trò là những tài liệu gốc căn bản. Bên cạnh đó, các bộ chính sử quan trọng như Đại Nam thực lục - 大南實錄 - của triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí - 大南一統志 - thời Hoàng đế Tự Đức, và Phủ biên tạp lục - 撫邊雜錄 - của Lê Quý Đôn cũng lưu lại nhiều minh chứng có giá trị.

Đồng thời, ở bên kia biên giới, các bộ sử liệu của triều đình Đại Thanh như Thanh thực lục - 清實錄 -và Thanh triều văn hiến thông khảo - 清朝文獻通考 - cũng rải rác ghi lại những dấu vết liên quan đến Hà Tiên, họ Mạc và cục diện bang giao khu vực. Chính sự giao thoa giữa các nguồn sử liệu Việt Nam, Trung

Hoa và khu vực đã tạo nên một nền tảng tư liệu đa chiều, giúp hậu thế có thể nhìn lại cơ nghiệp họ Mạc không chỉ như một câu chuyện gia tộc, mà còn như một chương sử quan trọng trong tiến trình mở cõi, dựng dân, hộ pháp và kiến tạo văn hiến nơi phương Nam.

Những nghiên cứu hiện đại về Hà Tiên và dòng họ Mạc

Bước sang giữa thế kỷ XX, từ những năm 1950 trở đi, tầm vóc của chính quyền Hà Tiên một lần nữa được soi chiếu dưới ánh sáng học thuật quốc tế, qua lăng kính của nhiều học giả phương Tây và phương Đông.

Những công trình nghiên cứu sâu sắc của học giả người Pháp **Émile Gaspardone** - 1895-1982 - nhà biên khảo danh tiếng từng có nhiều hoạt động học thuật tại Trung Hoa, cùng với học giả người Canada William E. Willmott và sử gia Nhật Bản Fujiwara Riichiro, đã mở ra những diễn đàn nghiên cứu có giá trị về vai trò, đóng góp và quan hệ bang giao đối ngoại của chính quyền họ Mạc tại Hà Tiên.

Đặc biệt, vào cuối thập niên 1950 và đầu thập niên 1960, Giáo sư Trần Kinh Hòa - 陳荊和, 1917-1995, bậc đại thụ trong giới sử học Hoa kiều, người từng gửi gắm nhiều tình cảm và tâm huyết cho đất nước Việt Nam trong thời gian giảng dạy tại Đại học Huế, đã dốc sức điền dã, khảo sát thực địa, thu thập sử liệu và di vật khảo cổ quý giá. Chính ông là người đặt nền móng quan trọng cho việc phục dựng một cách hệ thống gia phả, thế hệ và dòng dõi của gia tộc họ Mạc.

Kể từ sau thập niên 1970, ngọn đuốc học thuật về chính quyền Hà Tiên tiếp tục được trao truyền mạnh mẽ qua các công trình của Giáo sư Trịnh Thụy Minh - 鄭瑞明 - học giả lỗi lạc người Đài Loan, chuyên gia hàng đầu về lịch sử Đông Nam Á - 東南亞史 - cũng như lịch sử hàng hải và giao thông đường biển Đông Á - 東亞海洋交通史. Những góc nhìn mới mẻ của ông cùng các cộng sự đã đem lại nhiều thành tựu nghiên cứu có giá trị, góp phần làm sáng tỏ thêm vị trí của Hà Tiên trong mạng lưới thương mại, chính trị và văn hóa khu vực.

Một bước ngoặt đáng chú ý diễn ra vào năm Bính Tý 1996, khi Nhà xuất bản Sách cổ Trung Châu cho ấn hành hai tác phẩm quan trọng: Gia Định thành thông chí - 嘉定城通志 - và Hà Tiên trấn Hiệp trấn Mạc thị gia phả - 河僊鎮協鎮鄚氏家譜. Việc dịch thuật, hiệu đính và giới thiệu những trước tác chữ Hán cổ kính của Việt Nam đến với độc giả Trung Hoa đã phá vỡ một phần rào cản tư liệu, mở ra con đường thuận lợi hơn cho giới nghiên cứu về chính quyền Cảng Khẩu quốc họ Mạc và lịch sử Hà Tiên.

Nhằm đào sâu hơn những góc khuất trong lịch sử gia tộc họ Mạc, người viết đã thực hiện các chuyến khảo sát thực địa tại Hà Tiên, Việt Nam, và vùng duyên hải Lôi Châu, Quảng Đông, Trung Hoa. Từ đền thờ tổ họ Mạc nơi đất biển Hà Tiên cho đến nghĩa trang dòng tộc tại thôn Đông Lĩnh, Lôi Châu nay thuộc địa cấp thị Trạm Giang - một số văn bia và gia phả mới được phát hiện đã mở ra những gợi ý học thuật rất đáng trân trọng.

Trên nền tảng kế thừa các công trình đi trước, người viết tiến hành đối chiếu và tổng hợp toàn diện về gốc tích dòng họ, hành trình Nam tiến của Cư sĩ Mạc Cửu, cùng sự hưng thịnh và suy vi của chính quyền cha con Cư sĩ Mạc Cửu và Cư sĩ Mạc Thiên Tích tại Hà Tiên. Với lăng kính mới và tinh thần khảo cứu cẩn trọng, nghiên cứu này kỳ vọng góp thêm một tiếng nói học thuật, mở rộng chiều sâu nhận thức về gia tộc họ Mạc trong tiến trình lịch sử phương Nam.

I. Vọng tộc của bán đảo: Họ Mạc và vùng đất Lôi Châu

1.1. Họ Mạc di chuyển đến Lôi Châu

Tọa lạc trên bán đảo cùng tên ở phía Tây tỉnh Quảng Đông, Lôi Châu sở hữu một vị thế địa lý hết sức đặc biệt. Phía Bắc tựa lưng vào đại lục bao la, ba bề còn lại mở ra biển cả mênh mông; phía Nam nhìn qua làn nước rộng là đảo Hải Nam. Dọc theo trục bán đảo, nằm giữa đảo Hải Nam và dải đất Việt Nam ở phía Tây chính là Vịnh Bắc Bộ — vùng biển rộng khoảng 130.000 km², từng được biết đến trong nhiều nguồn thư tịch phương Tây với tên gọi Vịnh Đông Kinh.

Thiên nhiên đã ban tặng cho dải duyên hải này những hải cảng sâu kín, cùng muôn vàn đảo nhỏ rải rác như sao giăng bàn cờ - **tinh la kỳ bố** - 星羅棋布. Án ngữ trên giao lộ hàng hải nối liền miền Nam Trung Hoa với Đông Nam Á, vùng biển này trong lịch sử luôn là nơi tấp nập thuyền buôn, sứ đoàn và các luồng giao thương quốc tế. Từ đây, một hệ thống thương mại hàng hải dần hình thành, gắn kết mật thiết Lôi Châu, Hải Nam, Vịnh Bắc Bộ và các xứ sở phương Nam.

Cổ thư Trung Hoa từng ghi chép rằng, từ Lôi Châu nhìn về phía Tây có thể "thông suốt với phiên bang An Nam"; ngược về phía Đông, thuyền bè có thể rẽ sóng trùng khơi để nối đến Ân Châu, vùng Hoài - Chiết sầm uất và đất Phúc Kiến trù phú. Chính nhờ vị thế ấy, Lôi Châu đã trở thành bến đỗ quen thuộc của nhiều đoàn thương thuyền đến từ Quảng Đông, Chiết Giang và Phúc Kiến.

Minh chứng cho sự phồn thịnh ấy, bộ địa chí thời **Đường Nguyên Hòa quận huyện đồ chí** - 元和郡縣圖志 - từng ghi lại rằng:**"***Từ Văn vốn là đất huyện cũ từ thời Hán, thuộc quận Hợp Phố... Thuở ấy, triều đình đã lập dinh Hầu Quan ở phía Nam huyện bảy dặm để tích trữ sản vật, điều phối hàng hóa theo nhu cầu; giao thương nhờ đó mang lại nguồn lợi vô biên".*

Thuận theo dòng chảy phồn hoa ấy, dân gian vùng duyên hải đương thời vẫn truyền tụng câu ngạn ngữ cổ:"**Dục bạt bần, nghệ Từ Văn**" - 欲拔貧 詣徐聞.

Nghĩa là: muốn thoát khỏi cảnh nghèo khó, hãy tìm đường đến đất Từ Văn.

Câu nói ấy không chỉ phản ánh sức hấp dẫn kinh tế của vùng đất Từ Văn, Lôi Châu, mà còn cho thấy nơi đây từ rất sớm đã là một miền đất mở, nơi con người có thể nương vào thương mại biển, sản vật duyên hải và những tuyến giao thương phương Nam để tìm kiếm cơ hội đổi đời.

Chính trong không gian địa lý, kinh tế và văn hóa ấy, dòng họ Mạc từng bước hình thành, phát triển và trở thành một vọng tộc có ảnh hưởng trên bán đảo Lôi Châu. Từ vùng đất hướng biển này, nhiều thế hệ họ Mạc đã hấp thụ tinh thần hàng hải, khả năng thích ứng với thời cuộc và bản lĩnh vượt sóng đi xa. Những yếu tố ấy về sau sẽ trở thành hành trang lịch sử quan trọng, đưa Cư sĩ Mạc Cửu rời cố quận, xuôi thuyền về phương Nam, mở ra cơ nghiệp Hà Tiên nơi tận cùng bờ cõi An Nam.

Vào những năm 1940, nhà Đông phương học nổi tiếng người Pháp **Georges Coedès** - 1886-1969 - chuyên gia hàng đầu về khảo cổ học và lịch sử Đông Nam Á, đã gợi mở một nhận định địa lý quan trọng. Theo ông, ngay từ buổi bình minh của lịch sử khu vực, bán đảo Mã Lai cùng hệ thống các dải đảo bao quanh đã góp phần định hình nên một không gian biển tương đối khép kín, nối liền Biển Trung Hoa, Vịnh Thái Lan và Biển Java.

Biển Java, một vùng biển nông rộng lớn thuộc không gian hải đảo Indonesia, được giới hạn bởi các đảo Borneo, Java, Sumatra và Sulawesi, tạo thành một hệ thống mặt nước có tính liên kết tự nhiên đặc biệt. Từ lăng kính địa - chính trị ấy, nhiều nhà nghiên cứu đã đồng thuận xem không gian biển Vịnh Bắc Bộ như một "**Tiểu Địa Trung Hải**" của khu vực - 小地中海 - nơi các tuyến hải hành, thương mại, di dân và giao lưu văn hóa từng đan xen dày đặc qua nhiều thế kỷ.

Chính trong không gian biển mở mà khép ấy, Lôi Châu nổi lên như một điểm tựa địa lý quan trọng. Dải bán đảo này không chỉ là vùng đất ven biển của Hoa Nam, mà còn là cửa ngõ nhìn xuống Hải Nam, Vịnh Bắc Bộ và các xứ sở phương Nam. Đó là nơi con người sớm quen với nhịp sống thương thuyền, gió mùa, bến

cảng và những cuộc ra đi vượt biển.

Dòng chảy lịch sử của dải đất Lôi Châu là một chuỗi thăng trầm gắn liền với sự hưng suy của các vương triều phương Bắc. Ngược dòng thời gian về thế kỷ III trước Tây lịch, dưới bóng hoàng triều nhà Tần thống nhất, Lôi Châu vốn thuộc phạm vi Tượng Quận. Đến thời Nam - Bắc triều, Lương Vũ Đế cho tách đất Hợp Phố để lập nên Hợp Châu.

Bước sang năm Bính Dần 606, nhằm niên hiệu Đại Nghiệp thứ hai đời Tùy Dạng Đế, nhà Tùy bãi bỏ Hợp Châu, sáp nhập huyện Hải Khang vào Hợp Quận. Những biến động hành chính tiếp tục xoay vần dưới triều Đường. Vào năm Tân Tỵ 621, tức niên hiệu Vũ Đức thứ tư, triều đình nhà Đường gộp phần đất phía Nam Hợp Châu để cai quản bốn huyện: Hải Khang, Tùy Khang - về sau đổi là Toại Khê, Thiết Ba và Châm Xuyên.

Đến năm Quý Tỵ 634, niên hiệu Trinh Quán thứ tám, vùng đất này chính thức mang danh xưng Lôi Châu. Dẫu sau đó trải qua nhiều lần thay đổi - khi đổi thành quận Hải Khang vào năm Nhâm Ngọ 742, khi trở lại danh hiệu Lôi Châu vào năm Mậu Tuất 758 - nhưng cấu trúc địa phương ấy vẫn được các triều đại Tống, Nguyên tiếp tục duy trì và phát triển.



Bước sang kỷ nguyên Đại Minh, phủ Lôi Châu cai quản ba huyện cốt lõi: Hải Khang, Toại Khê và Từ Văn. Khi ấy, đất Hải Khang được sáp nhập vào Quách Huyện, chia thành hai vùng Đông Bắc và Tây Nam, quy thuộc về hai hương Diên Đức và Diên Hòa, với mười đô khá bề thế.

Bản đồ hành chính này tiếp tục được chỉnh lý dưới triều Đại Thanh. Các đơn vị địa phương được tinh chỉnh thành hai ngung, hai hương, mười đô và hai mươi xã nông thôn, trong đó xã Lê Quách là một địa danh nổi bật. Đến năm Đinh Mão 1687, nhằm niên hiệu Khang Hy thứ hai mươi sáu, sau cuộc sáp nhập hai xã Na Hòa và Quan Sơn thành xã Quan Hòa, huyện Hải Khang chính thức định hình với mười chín xã.

Suốt chiều dài lịch sử từ thời Đại Minh đến vương triều Đại Thanh, dòng tộc họ Mạc đã chọn thôn Đông Lĩnh và thôn Lê Quách thuộc xã Lê Quách làm nơi cắm rễ, sinh cơ lập nghiệp qua nhiều đời. Đó không chỉ là nơi cư trú của một dòng họ, mà còn là không gian tông tộc đã nuôi dưỡng ký ức, gia phong và bản lĩnh

của những thế hệ họ Mạc trước khi một nhánh trong dòng họ ấy rẽ sóng xuôi về phương Nam.

Bộ cổ thư **Lôi Châu phủ chí** - 雷州府志 - được biên soạn dưới thời Hoàng đế Gia Khánh nhà Thanh đã phác họa khá rõ bức tranh cư dân nơi đây. Sách ghi rằng xã Lê Quách thuở ấy gồm bốn ngôi làng trù phú: *"Thôn Lê Quách, cách thành hai mươi dặm về phía Tây, là nơi dòng họ Mạc nối đời định cư; thôn Bình Nguyên, cách thành mười lăm dặm về phía Tây, là chốn cư ngụ của họ Hoàng; thôn Điều Sảng, cách thành mười hai dặm về phía Tây, thuộc về đất của họ Trần; và thôn Đông Lĩnh, cách thành hai mươi dặm về phía Tây, cũng là mảnh đất mà họ Mạc đời đời sinh sống".*

Tập địa chí **Hải Khang huyện chí** - **Cương vực chí** - 海康縣志·疆域志 -khi ghi chép về xã Lê Quách cũng lưu lại những nội dung tương đồng với phủ chí. Điều ấy cho thấy sự hiện diện của họ Mạc tại vùng đất này không phải là dấu vết mờ nhạt, mà là một sự định cư có chiều sâu lịch sử, được ghi nhận trong hệ thống địa phương chí chính thống.

Trong huyết thống tông tộc, gia tộc họ Mạc tại thôn Lê Quách giữ vai trò Trưởng phòng, tức nhánh cả; còn dòng họ Mạc tại thôn Đông Lĩnh được phân chia thành Thứ phòng, Phòng ba, Phòng tư, Phòng năm, Phòng sáu và Phòng bảy. Cách phân chia ấy cho thấy họ Mạc ở Lôi Châu đã phát triển thành một hệ thống tông tộc khá bề thế, có cơ cấu thế hệ, chi phái và địa bàn cư trú rõ ràng.

Từ mảnh đất Lôi Châu ấy, ta có thể nhận ra phần nào cội nguồn tinh thần của Cư sĩ Mạc Cửu.

Đó là một vùng đất vừa hướng về đại lục, vừa mở ra biển cả.

Vừa giữ nếp gia phong tông tộc, vừa quen với thương mại hải hành.

Vừa thấm đẫm văn hóa Hoa Nam, vừa tiếp xúc thường xuyên với các tuyến giao thương xuống An Nam, Hải Nam và Đông Nam Á.

Chính môi trường ấy đã hun đúc nơi họ Mạc bản lĩnh thích ứng, năng lực tổ chức cộng đồng và tinh thần vượt biển tìm cơ nghiệp mới. Để rồi, khi cơn dâu bể Minh - Thanh ập đến, một người con của vùng Hải Khang - Lôi Châu là Mạc Cửu đã không cam chịu khuất phục trước thời cuộc, mà chọn con đường rẽ sóng phương Nam, mở ra chương sử Hà Tiên nơi cõi An Nam.

Nương theo những văn bia cổ kính hiện còn lưu giữ tại Đền thờ tổ họ Mạc ở xứ Đông Lĩnh, cội nguồn xa xưa của dòng họ này vốn khởi phát từ đất Phúc Kiến. Thủy tổ khai cơ là **Mạc Dữ** - 鄚璵 - một bậc hiền tài từng giữ chức Thị ngự vào

những năm đầu triều Đại Nguyên.

Tương truyền, vì tính tình cương trực, không ngại lời ngay ý thẳng, ông bị giáng chức và điều về phủ Lôi Châu làm Kinh lịch nơi vùng biển viễn xứ. Từ bước ngoặt ấy, Lôi Châu dần trở thành quê hương mới của dòng họ Mạc, mở đầu cho một hành trình tông tộc kéo dài qua nhiều thế hệ.

Tuy nhiên, bài tựa "**Trưởng phòng nhất xuân**" - 長房一春 - do **Mạc Như Tương** - 鄚汝相 - một hậu duệ của nhánh họ **Mạc Lê Quách** - 鄚黎郭 - biên soạn, lại ghi nhận với nhiều chi tiết trang trọng hơn: *"Thủy tổ khai cơ của họ ta vốn là người đất Long Khê, phủ Chương Châu, tỉnh Phúc Kiến. Cụ vốn đỗ Tiến sĩ, từng thăng đến chức Tả đô ngự sử* **-** *左都御史* **-** *tại Đô sát viện* **-** *都察院* **-** *triều Minh, giữ việc nghiêm minh phép tắc và phong hóa bách quan. Khi tạ thế, cụ được ban tên thụy là Trung Trực. Húy là Dữ công, tự Nguyên Tể. Từ khi đến Lôi Châu, con cháu từ đó nối đời sinh cơ lập nghiệp…".*

Đồng điệu với mạch nguồn ấy, cuốn **Mạc thị tộc phả** - 鄚氏族譜 - tại Đông Lĩnh còn lưu giữ bài tựa do **Vương Hoằng Hối** - 王弘誨, 1541–1617 - Nam Lễ bộ Thượng thư thời Minh, đích thân phụng soạn, mang tên Đông Lĩnh **Mạc thị thế hệ tộc phả tự** - 東嶺鄚氏世系家譜序. Trong đó có câu khẳng định đầy ý nghĩa:" **Mạc thị chi tiên, Mân sản dã**" — 鄚氏之先 閩產也.

Nghĩa là: tổ tiên họ Mạc vốn sinh phát từ đất Mân, tức vùng Phúc Kiến.

Lời ghi ấy không chỉ xác nhận nguồn gốc địa lý của dòng họ, mà còn phản ánh niềm tự hào sâu xa của con cháu Mạc thị đối với mạch nguồn Phúc Kiến — nơi được xem là cội rễ văn hóa, huyết thống và gia phong của tông tộc.

Thế nhưng, giữa những trang gia phả dạt dào niềm tự hào và dòng chính sử lạnh lùng lại xuất hiện một độ vênh lịch sử đầy gợi mở. Khi lật giở **Lôi Châu phủ chí** - **Chức quan chí** - 雷州府志·職官志 - được biên soạn dưới thời Hoàng đế Gia Khánh nhà Thanh, mục **Kinh lịch triều Nguyên** chỉ lưu danh vỏn vẹn ba người: **Nguyên Bích** - 原璧, **Quách Tư Thành** - 郭思誠, và **Phiền Ích Tuấn** - 樊益俊. Tuyệt nhiên không thấy xuất hiện danh tính **Mạc Dữ -** 鄚璵**.**

Ngược lại, trong danh sách **Giảng sư** thời bấy giờ, người ta lại tìm thấy hồ sơ của một vị hiền triết mang tên **Mạc Dĩ Đạo** - 鄚酏道. Từ đây, một câu hỏi sử học âm thầm được đặt ra: liệu **Mạc Dĩ Đạo** và **Mạc Dữ** có phải là một người? Hay qua dòng chảy nhiều thế kỷ, ký ức gia phả đã có sự sai biệt, nhầm lẫn hoặc chồng lấn giữa các thế hệ tiền nhân?

Chính khoảng mờ ấy làm cho lịch sử họ Mạc càng trở nên hấp dẫn. Bởi trong gia phả, điều được gìn giữ không chỉ là sự kiện, mà còn là ký ức, niềm tin và lòng tôn kính của con cháu đối với tổ tiên. Còn trong chính sử, điều được ghi lại thường là chức danh, niên đại và trật tự hành chính. Khi hai dòng tư liệu ấy không hoàn toàn trùng khít, người nghiên cứu cần bước vào giữa chúng với thái độ thận trọng, vừa tôn trọng tâm thức tông tộc, vừa tỉnh táo trước những giới hạn của sử liệu.

Trong tâm thức của con cháu đời sau, Thủy tổ **Mạc Dữ** vẫn được tôn kính như người đặt viên gạch đầu tiên cho sự hiện diện của dòng họ Mạc trên dải đất Lôi Châu. Khi tạ thế, cụ được đưa về an nghỉ tại vùng Bạch Sa, thuộc con dốc Phùng Thôn - nơi nấm mộ xưa, dẫu trải qua bao cuộc hưng phế, vẫn lặng lẽ đứng cùng thời gian như một chứng tích thiêng liêng của cội nguồn.

Bản gia phả **Trưởng phòng nhất xuân** của chi họ Mạc Lê Quách, tại mục tôn kính "**Cự Lộc quận Thủy Thái tổ đời thứ nhất Mạc Dữ**" - 鉅鹿郡太水祖一世鄚璵 - đã trang trọng ghi lại: *"Cụ Mạc Dữ hưởng thọ tám mươi tư tuổi... Ông cùng hiền thê được an táng tại thôn Phùng, xã Đường Vĩ, huyện Hải Khang."*

Từ ngôi mộ tổ nơi Phùng Thôn, dòng huyết thống Mạc thị tiếp tục lan tỏa qua các chi phái, thôn xóm và thế hệ kế tục. Tuy nhiên, kể từ Thủy tổ trở xuống, những nhánh ghi chép giữa họ Mạc thôn Đông Lĩnh và họ Mạc thôn Lê Quách bắt đầu xuất hiện nhiều ngã rẽ, dị biệt và khoảng trống cần tiếp tục đối chiếu.

Chính những khác biệt ấy không làm giảm giá trị của gia phả, mà trái lại, mở ra một cánh cửa khảo cứu đầy ý nghĩa. Qua đó, ta có thể nhìn thấy lịch sử một dòng họ không phải là đường thẳng đơn giản, mà là dòng sông nhiều nhánh: có mạch chính, có phụ lưu, có ký ức truyền đời, có văn bia trầm mặc, có chính sử nghiêm cẩn, và có cả những khoảng lặng mà hậu thế cần kiên nhẫn lắng nghe.

Từ Phúc Kiến đến Lôi Châu, từ Long Khê đến Hải Khang, từ ký ức Mạc Dữ đến những chi phái Đông Lĩnh và Lê Quách, cội nguồn họ Mạc dần hiện lên như một bức tranh tông tộc vừa sâu xa vừa sống động. Đó chính là nền đất lịch sử đã nuôi dưỡng gia phong, bản lĩnh và tinh thần hướng biển của dòng họ để rồi nhiều thế hệ sau, từ mạch nguồn ấy, Cư sĩ Mạc Cửu xuất hiện, rời cố quận Lôi Châu, xuôi thuyền về phương Nam, khai mở nên cơ nghiệp Hà Tiên giữa trời biển An Nam.

Theo mạch sử của chi họ Mạc Lê Quách, Thủy tổ **Mạc Dữ** - 鄚璵 - sinh hạ được hai người con trai là **Mạc Tiên Tri** - 鄚先知 - và **Mạc Tiên Giác** - 鄚先覺 - định hình nên đời thứ hai của dòng họ. Từ đây, tông phái họ Mạc bắt đầu khai chi tán

diệp, từng bước hình thành những nhánh tộc có ảnh hưởng sâu rộng trên đất Lôi Châu.

Nhánh trưởng do **Mạc Tiên Tri** kế thừa tiếp tục sinh hạ ba người con trai ở đời thứ ba, mang những danh xưng hàm chứa ý nghĩa sâu xa: **Khiêm** - 謙, **Trung** - 忠, và **Kinh** - 經. Đến đời thứ tư, người con trai tên Khiêm sinh ra Mạc Khanh, một bậc tài danh xuất sắc, từng đỗ Cử nhân vào khoa Tân Mão dưới triều đại nhà Minh.

Ở một hướng khác, hành trạng của người con thứ **Mạc Tiên Giác** tuy không được ghi chép thật tường tận, nhưng cổ thư vẫn lưu lại một cột mốc phân nhánh rất quan trọng. Gia phả chép rằng: *"Ông kế thừa Thủy tổ với phận con thứ, chính là bào đệ của Mạc Tiên Tri... sau này tách ra để đến lập nghiệp tại thôn Đông Lĩnh".*

Chi tiết ấy có giá trị đặc biệt, bởi nó cho thấy ngay từ buổi đầu hình thành, dòng họ Mạc đã sớm phân nhánh thành hai không gian tông tộc: một bên là **Lê Quách**, một bên là **Đông Lĩnh**. Từ hai vùng đất ấy, các chi phái họ Mạc tự lực sinh cơ, phát triển song hành, dệt nên hai bức tranh gia tộc vừa gần gũi huyết thống, vừa có những truyền thống ghi chép riêng biệt.

Trong khi đó, cuốn Mạc thị tộc phả - 鄚氏族譜 - lưu giữ tại thôn Đông Lĩnh lại mở ra một hệ thống ghi chép độc lập. Cổ thư nơi đây khẳng định Thủy tổ Mạc Dữ chỉ sinh hạ duy nhất một người con trai là **Mạc Tiên Giác**, người nối dòng ở đời thứ hai, tuyệt nhiên không nhắc đến vị "**bào huynh**" Mạc Tiên Tri như trong tộc phả chi Lê Quách.

Bước sang thế hệ thứ ba, Mạc Tiên Giác sinh được ba người con trai, trong đó hai bậc hiền tài được lưu danh là **Mạc Tri Mệnh** - 鄚知命 - và **Mạc Như Nghĩa** - 鄚如義. Trải qua nhiều thế hệ kế thừa, dòng họ truyền đến đời thứ tám là **Mạc Dũ Lương** - 鄚鈅良. Trời cao ban phước, cụ sinh hạ được bảy người con trai, chính thức khai mở dòng họ thành bảy phòng tộc bề thế.

Ở thế hệ thứ chín, các phòng tộc được định danh khá rõ rệt: phòng cả là **Hoa** - 華; phòng ba là **Ấu** - 幼, nhưng không may mất sớm; phòng tư là **Nhu** - 柔; phòng năm là Dụ - 裕; phòng sáu là **Tung** - 嵩; và phòng bảy là **Dịch** - 奕.

Tiếp nối mạch nguồn ấy, người con trai tên Tung thuộc phòng sáu lại sinh hạ bốn người con, trở thành bốn trụ cột vững chãi của thế hệ thứ mười, gồm: **Mạc Ẩn Hiền** - 鄚隱賢, **Mạc Ẩn Tính** - 鄚隱性, **Mạc Ẩn Nghĩa** - 鄚隱義, và **Mạc Ẩn Trí** - 鄚隱智.

Khi dòng thế hệ truyền đến đời thứ mười một, chi họ Mạc vùng Đông Lĩnh không chỉ vươn mình trở thành một vọng tộc giàu có nhất phương, với ruộng đất mênh mông, tài vật sung túc, mà còn kiến tạo nên một gia tộc khoa bảng hiển hách, danh gia vọng tộc lừng lẫy khắp bán đảo Lôi Châu.

Tuy nhiên, chính sự dị biệt trong cách phác họa chân dung tổ tiên giữa hai cuốn tộc phả Lê Quách và Đông Lĩnh đã để lại một dấu hỏi lớn cho hậu thế. Người đời truyền rằng, có lẽ tình cốt nhục giữa các bậc tiền nhân thuở ấy từng xuất hiện những rạn nứt khó hàn gắn. Nhưng tình hình cụ thể ra sao, nguyên nhân vì đâu, nay đều đã khuất sâu sau màn sương quá khứ.

Nương theo trục thời gian trong bản Trưởng phòng nhất xuân của chi họ Lê Quách, nếu lấy mốc thế hệ thứ tư của Mạc Khanh - 鄚卿 - làm điểm quy chiếu, người nghiên cứu sẽ nhận ra không ít sai số và khoảng trống trong việc phục dựng danh tính các đời thượng tổ phía trên.

May mắn thay, ngôi đền thờ họ Mạc tại thôn Đông Lĩnh ngày nay vẫn còn bảo tồn được một báu vật thời gian: tấm văn bia cổ kính ghi dấu tinh thần "**nối đời làm quan**". Đây là một cứ liệu đặc biệt, bởi văn bia ấy còn lưu giữ được danh tính của những bậc tiền nhân từng đặt bút đề danh, giúp hậu thế có thêm cơ sở để đối chiếu lại hệ thống thế thứ trong tộc phả.

Đối chiếu theo hệ thống thế thứ trên tấm bia này, **Mạc Khanh** thực chất nhiều khả năng phải thuộc về đời thứ chín. Danh tiếng của ông được lưu dấu vào khoảng niên hiệu Thành Hóa dưới triều Minh Hiến Tông (1464-1487). Vì vậy, giả thuyết cho rằng Thủy tổ họ Mạc nhập cư Lôi Châu vào khoảng niên hiệu Đại Đức (1297-1307) thời Đại Nguyên xem ra là một điểm tựa lịch sử hợp lý hơn cả.

Từ lập luận ấy, việc bản **Trưởng phòng nhất xuân** định danh **Mạc Trung** - 鄚忠 - là bậc tổ tiên thuộc đời thứ ba rõ ràng có khả năng đã rơi vào một sai lệch do thời gian và truyền chép. Nếu giả định Mạc Trung và Mạc Khanh là hai cha con, thì mạch thế thứ sẽ trở nên khớp hơn: Mạc Trung khi ấy phải được đặt vào vị trí vị thủ lĩnh Trưởng phòng đời thứ tám, còn Mạc Khanh là thế hệ kế tiếp.

Những nét mực cổ thư ca ngợi Mạc Trung từng đỗ "**Phủ học Tuế cống sinh**", rồi vinh hiển nhậm chức **Tuần kiểm Bắc Nhai nơi đất Giao Chỉ** - 府學歲貢生□任職巡檢交趾北崖 - là một dữ liệu lịch sử rất đáng chú ý. Chi tiết này gợi mở rằng hành trạng của ông có thể gắn liền với giai đoạn nhà Minh mở rộng quyền lực xuống Đại Việt dưới thời **Minh Thành Tổ** - 明成祖, 1360-1424 - khi đất Giao Chỉ bị đặt dưới sự cai trị trực tiếp của triều Minh.

Từ những đối chiếu ấy, lịch sử họ Mạc hiện lên không phải như một đường thẳng đơn giản, mà như một mạng lưới phức tạp của ký ức tông tộc, văn bia, địa phương chí và chính sử. Mỗi nguồn tư liệu đều mang một giọng nói riêng: gia phả lưu giữ niềm tự hào huyết thống; văn bia bảo tồn dấu vết thế hệ; chính sử ghi nhận chức tước và biến động thời đại.

Khi đặt các nguồn ấy cạnh nhau, người nghiên cứu không chỉ nhìn thấy những sai biệt, mà còn nhận ra chiều sâu sống động của một dòng họ đã đi qua nhiều thế kỷ thăng trầm.

Từ Mạc Dữ đến Mạc Tiên Tri, Mạc Tiên Giác; từ hai chi Lê Quách và Đông Lĩnh đến các đời Mạc Trung, Mạc Khanh; từ một tông tộc khoa bảng nơi Lôi Châu đến hình bóng Cư sĩ Mạc Cửu sau này rẽ sóng về phương Nam - tất cả đã hợp thành một mạch nguồn lịch sử dài lâu, nơi gia phong, trí thức, bản lĩnh biển cả và khí tiết thời đại cùng kết tụ.

Chính từ nền tảng tông tộc ấy, ta có thể hiểu sâu hơn vì sao Mạc Cửu không phải là một người lưu dân bình thường. Sau lưng ông là cả một truyền thống họ Mạc nhiều đời cắm rễ nơi Lôi Châu, từng trải qua khoa bảng, quan trường, thương mại biển và những biến động chính trị dữ dội. Và chính hành trang ấy đã giúp ông, khi rời cố quận xuôi về phương Nam, đủ bản lĩnh để khai lập Hà Tiên, dựng dân, mở chợ, hộ trì Phật pháp và để lại một chương sử lớn nơi cõi An Nam.

Vào năm Bính Tuất 1406, nhằm niên hiệu Vĩnh Lạc thứ tư, Minh Thành Tổ phát động một cuộc viễn chinh quy mô lớn về phương Nam. Triều đình nhà Minh sai **Ninh Quốc công Chu Năng** - 寧國公朱能, 1370-1406 - giữ chức **Chinh Di tướng quân**, đem quân chinh phạt An Nam, tức khu vực Bắc Bộ Việt Nam ngày nay. Cùng tham dự chiến dịch ấy còn có các danh tướng như **Tây Bình hầu Mộc Thạnh** — 沐晟, 1368-1439 - và **Tân Thành hầu Trương Phụ** - 張輔, 1375-1449, thống lĩnh đại quân tiến đánh nước Đại Ngu, quốc hiệu của Việt Nam dưới triều Hồ.

Sau khi thôn tính vùng đất này, nhà Minh xóa bỏ quốc hiệu Đại Ngu, đặt lại thành hệ thống quận huyện trực thuộc triều đình phương Bắc, rồi thiết lập cơ cấu cai trị tại Giao Chỉ. Bờ cõi bị phân chia thành nhiều phủ, huyện và châu, đặt dưới sự kiểm soát của bộ máy quan lại, quân sự và hành chính do triều Minh phái sang.

Cục diện đô hộ ấy kéo dài hơn hai thập kỷ, cho đến năm Đinh Mùi 1427, tức niên hiệu Tuyên Đức thứ hai, khi nghĩa quân Lam Sơn giành thắng lợi quyết định, buộc triều đình nhà Minh phải bãi bỏ quận Giao Chỉ và rút khỏi Đại Việt.

Trong hơn hai mươi năm biến động ấy, để kiện toàn bộ máy cai trị tại vùng đất mới chiếm, nhà Minh đã tuyển dụng và điều động một lực lượng lớn quan lại từ các địa phương lân cận, đặc biệt là vùng Lưỡng Quảng - tức Quảng Đông và Quảng Tây. Đây là khu vực có vị trí địa lý gần gũi với Giao Chỉ, lại quen thuộc với môi trường biên viễn phương Nam, nên thường được xem là nguồn nhân lực quan trọng cho hệ thống cai trị của triều Minh tại đất Việt.

Rất có thể, chính trong làn sóng chuyển dịch quan chế ấy, bậc hiền tài **Mạc Trung** - 鄚忠 - đã được bổ nhiệm sang kinh lý tại đất **Giao Chỉ** - 交趾. Địa danh này vốn gắn liền với một phần lãnh thổ Việt Nam trong lịch sử, từ thời Hùng Vương, qua các thời kỳ Bắc thuộc, cho đến khi trở thành đơn vị hành chính dưới ách cai trị của triều Minh vào đầu thế kỷ XV.

Nếu giả thuyết này được đặt trong mối liên hệ với ghi chép gia phả về chức vụ của Mạc Trung tại vùng Giao Chỉ, thì hành trạng của ông không chỉ phản ánh một dấu vết quan trường của dòng họ Mạc nơi Lôi Châu, mà còn cho thấy sự gắn bó sớm giữa tông tộc họ Mạc với không gian lịch sử Việt Nam. Đó là một mạch liên hệ âm thầm nhưng rất đáng chú ý, bởi nhiều thế hệ sau, từ chính vùng Lôi Châu ấy, Cư sĩ Mạc Cửu đã rẽ sóng về phương Nam, khai mở cơ nghiệp Hà Tiên và gắn vận mệnh dòng họ mình với lịch sử mở cõi của đất Việt.

1.2 Nhân tài họ Mạc hưng thịnh dưới thời nhà Minh

Dưới thời nhà Minh, bảng vàng bia đá cùng những danh xưng họ Mạc được xướng lên trong các kỳ khoa cử đã trở thành niềm tự hào lớn lao của tông tộc và là tâm điểm ngưỡng vọng của người đời. Chương sử vinh quang ấy được khơi dòng từ bậc tiền nhân **Mạc Trung** - 鄚忠 - vị thủ lĩnh Trưởng phòng đời thứ tám, người từng đỗ Cống sinh và vinh hiển nhậm chức **Tuần kiểm Bắc Nhai nơi đất Giao Chỉ** - 巡檢交趾北崖.

Tiếp nối mạch nguồn ấy, người con cả đời thứ chín là Mạc Khanh được bổ nhiệm làm Tri huyện. Đây được xem là một sự kiện rực rỡ, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trong lịch sử phát triển của dòng họ Mạc trên đất Lôi Châu.

Mạc Khanh vốn là bậc đại khoa đỗ đạt vào khoa Tân Mão năm 1471, nhằm niên hiệu Thành Hóa thứ bảy dưới triều Minh Hiến Tông. Các bộ cổ thư như **Phúc Kiến thông chí** - 福建通志 - cùng tập địa chí **Trường Thái huyện chí** - 長泰縣志 - được biên soạn thời Khang Hy vẫn còn lưu dấu rằng: vào năm Nhâm Tý 1492, tức niên hiệu Hoằng Trị thứ năm dưới triều Minh Hiếu Tông, **Mạc Khanh** chính thức đến nhậm chức Tri huyện tại vùng đất Trường Thái.

Tại ngôi Đại tông từ của họ Mạc thôn Lê Quách, thời gian dường như còn ngưng đọng trên hai tấm hoành phi cổ kính mang đề tựa "**Nhất Ngạc**" - 一鶚 - nghĩa là chim ưng đầu đàn, và "**Chung Tú**" - 鍾秀 - nghĩa là nơi hội tụ tú khí linh thiêng. Đây là những di sản quý báu được truyền lại từ thời nhà Minh, vừa mang giá trị mỹ thuật, vừa là chứng tích cho thanh danh khoa bảng của dòng họ.

Trên tấm biển "**Nhất Ngạc**", những nét chạm khắc cổ xưa vẫn còn lưu lại dòng chữ: "**Quý Dậu khoa Cử nhân Mạc**...". Đi sâu vào dòng chảy niên đại, Quý Dậu khoa chính là khoa thi năm Chính Đức thứ tám, tức năm 1513 dưới triều Minh. Đây là một bằng chứng đáng chú ý cho thấy vào giai đoạn này, nhánh Trưởng phòng họ Mạc vẫn tiếp tục sản sinh hiền tài bước lên bảng vàng khoa cử.

Men theo dấu tích còn sót lại trên hiện vật, hậu thế còn đọc được hàng chữ tôn kính: "**Tuần án Quảng Đông Giám sát Ngự sử Cao công**..." - 巡按廣東監察御史高公 - cùng các danh xưng như "Đề đốc...", "**Quảng Đông Bố chánh ty Phân ty**", và niên hiệu "**Chính Đức Ất Hợi**".

Tra cứu trong **Quảng Đông thông chí**, vị quan lớn họ Cao ấy nhiều khả năng chính là **Cao Công Chiêu** - 高公昭 - bậc đại thần người Nội Giang, Tứ Xuyên, từng đỗ Tiến sĩ vào năm Ất Sửu. Việc một dòng họ nơi miền duyên hải Lôi Châu được các bậc đại viên triều đình đích thân đề chữ tôn vinh đã minh chứng rằng, suốt các giai đoạn Thành Hóa, Hoằng Trị và Chính Đức, gia tộc họ Mạc đã gây dựng được thanh thế hiển hách, có ảnh hưởng sâu rộng trong đời sống khoa bảng và quan trường phương Nam.

Kể từ niên hiệu Gia Tĩnh trở đi, dòng chảy khoa bảng của gia tộc họ Mạc lại tiếp tục đón nhận những vinh quang mới. Nhiều bậc hiền tài trong họ liên tiếp đỗ đạt, kiêu hãnh tiến bước vào chốn quan trường, thậm chí có người còn vinh hiển bước vào Kinh sư nhậm chức. Trong đó, chi phái Phòng tư đã vươn lên như một biểu tượng đặc biệt rực rỡ của truyền thống học thuật họ Mạc.

Giữa không gian trầm mặc của ngôi Tông từ họ Mạc tại xứ Đông Lĩnh, hậu thế ngày nay vẫn còn may mắn lưu giữ được áng văn cổ **Mạc thị Thế tổ từ tự tự** - 鄚氏世祖祠嗣序 -tức bài tựa ghi về thứ tự thờ cúng các vị Tổ họ Mạc, do danh sĩ **Mạc Thiên Nhiên** - 鄚天然 - đích thân chấp bút vào năm Tân Sửu 1601, nhằm niên hiệu Vạn Lịch thứ hai mươi chín.

Áng văn xưa đã dùng những nét mực trang trọng để ngợi ca truyền thống học thuật lẫy lừng của dòng họ, khẳng định rằng con cháu họ Mạc:"**Khoa đệ thiền tục, huân nghiệp hách dịch**" - 科第蟬續□ 勳業赫奕.

Nghĩa là: đường khoa cử nối đời liên tiếp, công nghiệp rực rỡ sáng ngời.

Bài tựa ấy ghi lại đại lược như sau: *"Mạc tộc ta vốn là dòng dõi phát sinh từ đất Mân, khơi nguồn từ Thủy tổ húy Dữ. Thuở sơ Nguyên, ngài từng sung chức Thị ngự nơi cung khuyết. Sau vì lời can gián thẳng ngay mà chịu trách phạt, bị lưu dời về dải Hải Khang, rồi dựng cơ nghiệp tại chốn Đông Lĩnh gia trang này. Từ đó, con cháu nối đời làm thủ hộ nơi đây".*

Trải đến thế hệ thứ hai, **Tiên Giác công** - 先覺公 - dự hàng Học lục; đến đời thứ tám, Phủ công cáng đáng chức Học chính. Thảy đều là những bậc tuấn kiệt từng hiến thân cho triều đình.

Đến đời thứ chín, Khanh công nhờ danh tiếng chốn hương thôn mà được thăng làm Ấp lệnh. Sang đời thứ mười, Huệ công nhậm chức Giám thừa, Ngạn Nam công giữ chức Học chính. Những vị ấy đều nhờ khoa cử và phép tuyển dụng của triều đình mà bước vào quan trường, làm rạng danh gia tộc.

Đến đời thứ mười một, vị huynh trưởng thứ hai húy Thiên Phú danh đề bảng vàng Tiến sĩ khoa Nhâm Tuất niên hiệu Gia Tĩnh, từng kinh qua chức Hiến phó đất Quảng Tây, nắm giữ quyền giám sát và luận tội. Vị huynh kế húy Lữ cũng dự hàng hiền tài, được cử làm Ty giáo.

Tiếp mạch hiển vinh, đến đời thứ mười hai có Nhĩ Tiên công, là hậu duệ của vị huynh thứ hai, đạt danh hiệu Cống tiến vào khoa Mậu Tý niên hiệu Vạn Lịch triều Đại Minh.

Những ghi chép ấy cho thấy từ Mạc Trung, Mạc Khanh cho đến các đời Mạc Thiên Phú, Mạc Lữ và Nhĩ Tiên công, dòng họ Mạc ở Lôi Châu đã không ngừng bồi đắp truyền thống khoa bảng, quan chức và văn giáo. Đây không phải là sự hưng thịnh nhất thời, mà là một mạch nguồn nối tiếp qua nhiều thế hệ, nơi gia phong học thuật, chí hướng lập thân và tinh thần phụng sự triều đình cùng hòa quyện thành bản sắc riêng của tông tộc.

Chính nền tảng ấy đã làm nên khí chất đặc biệt của họ Mạc: trọng học vấn, chuộng lễ nghĩa, biết tổ chức cộng đồng, quen gánh vác việc công và có bản lĩnh bước ra khỏi phạm vi làng xã để tham dự vào những vận động lớn của thời đại.

Từ ánh sáng khoa bảng dưới triều Minh, ta có thể hiểu thêm vì sao nhiều đời sau, khi Cư sĩ Mạc Cửu rời Lôi Châu xuôi về phương Nam, ông không chỉ mang theo hành trang của một người lưu dân vượt biển, mà còn mang theo chiều sâu của một dòng họ từng nhiều đời hiển đạt, am hiểu quan trường, trọng văn hiến và có năng lực kiến tạo trật tự xã hội.

Đó chính là mạch ngầm lịch sử đã góp phần hun đúc nên tầm vóc của Mạc Cửu — người về sau khai mở Hà Tiên, dựng dân, mở chợ, hộ trì Phật pháp và viết tiếp một chương sử mới cho dòng họ Mạc nơi cõi An Nam.

Kể từ dạo ấy, trường văn trận bút của dòng họ Mạc nối đời đỗ đạt, võ công văn trị rực rỡ truyền thừa, công thành danh toại, phần nào thỏa nguyện tiền nhân và làm rạng rỡ gia phong tông tộc.

Nơi Tông từ Mạc tộc tại chốn Đông Lĩnh, tấm bài phường tưởng niệm mang bốn đại tự "**Dịch Thế Y Quan**" - 奕世衣冠 - vẫn vươn cao uy nghi giữa không gian thờ tự. Bốn chữ ấy có nghĩa là **đời đời nối tiếp áo mũ quan trường**, như một cuốn biên niên sử bằng đá, khắc ghi vinh hiển khoa bảng và quan nghiệp của Mạc tộc suốt mười hai thế hệ cốt nhục tương truyền.

Bên hữu ngạn bài phường dựng bia "**Khoa Giáp**", ghi danh những bậc đại khoa từng làm rạng rỡ bảng vàng. Trong đó có bốn vị tiêu biểu:

Thủy tổ Mạc Dữ - 鄚璵 - Tiến sĩ.

Đời thứ chín Mạc Khanh - 鄚卿 - Cử nhân.

Đời thứ mười một Mạc Thiên Phú - 鄚天賦 - Tiến sĩ.

Đời thứ mười hai Mạc Nhĩ Tiên - 鄚耳仙 - Cử nhân.

Bên tả ngạn là bia "**Cống Giám**", tức nơi ghi danh những bậc được tuyển cống, tiến cử hoặc bước vào hàng Giám sinh, Tuế cống trong hệ thống học quan và khoa cử thời phong kiến. Danh mục ấy lưu lại tám vị:

Đời thứ hai Mạc Tiên Giác - 鄚先覺 - Cống sĩ.

Đời thứ tám Mạc Phủ - 鄚甫 - Giám sinh, giữ chức Học chính.

Đời thứ chín Mạc Tuệ - 鄚慧 - Giám sinh, giữ chức Giám thừa.

Đời thứ chín Mạc Nam Ngạn - 鄚南彥 - Cống sĩ, giữ chức Giáo dụ.

Đời thứ mười một Mạc Lữ - 鄚侶 - Cống sĩ, được tuyển làm Ty giáo.

Đời thứ mười hai, một vị họ Mạc - Giám sinh, phụng sai giữ việc chính sự tại Lễ bộ.

Đời thứ mười hai Mạc Nhữ Hàn - 鄚汝翰 -Tuyển cống sĩ, nhậm chức Huyện lệnh Ninh Viễn.

Đời thứ mười ba Mạc Nhược Mẫn - 鄚惹敏 - Giám sinh, giữ chức Thừa tại Quang Lộc thự.

Khi khảo xét văn bia **Mạc thị Thế tổ từ tự tự** - 鄚氏世祖祠嗣序 - tức bài văn ghi về thứ tự thờ cúng các vị Thế tổ họ Mạc, rồi đối chiếu với danh mục khoa cử khắc trên bài phường Dịch Thế Y Quan — 奕世衣冠 — có thể nhận thấy một số điểm bất đồng về thế thứ và danh tính.

Văn bia chép **Mạc Tuệ Công** - 鄚慧公 - và **Ngạn Nam Công** thuộc thế hệ thứ mười; trong khi đó, danh mục khoa cử trên bài phường lại xếp hai vị vào đời thứ chín. Đồng thời, danh xưng "**Ngạn Nam Công**" trong văn bia khi đối chiếu với bài phường lại được ghi thành "Nam Ngạn Công."

Dẫu việc khảo chứng hiện vẫn chưa thể phân định hoàn toàn thực hư, song điều bất biến là: từ đời thứ chín trở đi, Mạc tộc đã bước vào một giai đoạn hưng thịnh rực rỡ của trường văn trận bút. Khoa danh liên tiếp nở hoa, quan nghiệp nối đời hiển đạt, gia phong học thuật từ đó ngày càng được bồi đắp sâu dày.

Trong bức tranh vinh hiển ấy, nổi bật nhất phải kể đến **Phòng thứ tư thuộc đời thứ mười một**, nơi sản sinh cặp nhân vật kiệt xuất được ví như **long hổ song sinh** của Mạc tộc Đông Lĩnh: **Mạc Thiên Phú** và **Mạc Thiên Nhiên**.

Nếu Mạc Thiên Phú làm rạng danh tông tộc bằng con đường khoa bảng và quan nghiệp, thì Mạc Thiên Nhiên lại góp phần lưu giữ ký ức dòng họ bằng văn bút, lễ chế và trước tác gia phả. Một người làm sáng bảng vàng, một người gìn giữ mạch nguồn; một người hiển đạt nơi quan trường, một người ký thác tinh thần tổ tiên vào văn bia tông miếu. Chính hai nhân vật ấy đã làm cho Phòng thứ tư trở thành một trong những nhánh rực rỡ nhất trong lịch sử phát triển của họ Mạc tại Đông Lĩnh.

Từ những tấm bia **Khoa Giáp**, **Cống Giám** đến đại tự **Dịch Thế Y Quan**, hậu thế có thể nhận ra rằng sự hưng thịnh của Mạc tộc không chỉ nằm ở tài sản, ruộng đất hay thế lực địa phương. Điều làm nên thanh danh lâu bền của dòng họ chính là truyền thống trọng học, trọng quan nghiệp, trọng lễ nghĩa và trọng sự nối tiếp của gia phong.

Đó là nền tảng văn hiến sâu xa đã nuôi dưỡng nhiều thế hệ họ Mạc nơi Lôi Châu, để rồi từ mạch nguồn ấy, về sau xuất hiện Cư sĩ Mạc Cửu - người mang theo khí chất của một vọng tộc phương Nam, rẽ sóng đến Hà Tiên, khai mở đất mới, dựng dân, mở chợ và hộ trì Phật pháp nơi cõi An Nam.

1.3 Mạc Thiên Phú: bậc danh thần tiết tháo của họ Mạc Đông Lĩnh

Mạc Thiên Phú - 鄚天賦 - tự **Tử Dực** - 仔翊 - là một trong những nhân vật kiệt xuất nhất của Mạc tộc Đông Lĩnh dưới triều Minh. Ông trời sinh khí phách cương trực, giữ mình thanh cao, thà làm ngọc vỡ chứ không chịu làm ngói lành. Cốt cách ấy đã khiến tên tuổi ông không chỉ được ghi trong gia phả họ Mạc, mà còn lưu dấu trong địa phương chí và ký ức sĩ dân nhiều đời.

Vào niên hiệu Gia Tĩnh thứ hai mươi tám đời Minh Thế Tông, tức năm Kỷ Dậu 1549, Mạc Thiên Phú dự hàng cống tiến, mang chí lớn chấn hưng thiên hạ, quyết giữ phẩm tiết giữa chốn quan trường nhiều biến động. Đến khoa Nhâm Tuất năm 1562, ông danh đề bảng vàng Tiến sĩ, rồi được bổ nhiệm làm **Phủ Điền lệnh** - 莆田令 - tức vị trưởng quan cai trị vùng Phủ Điền, đất Phúc Kiến.

Thuở ấy, miền duyên hải Phúc Kiến còn nhiều bất ổn. Dân chúng ly tán, sinh kế tiêu điều, trật tự địa phương nhiều phen chao đảo vì loạn lạc và nạn hào cường quấy nhiễu. Trong hoàn cảnh ấy, Mạc Thiên Phú đứng ra thu phục nhân tâm, tập hợp dân chúng lưu tán, dùng chính sự khoan hòa để vỗ về kẻ khốn cùng, lấy kỷ cương nghiêm minh để chỉnh đốn địa phương. Nhờ vậy, vùng đất Phủ Điền dần vượt qua cảnh rối ren, trở lại đời sống an cư, trăm họ lạc nghiệp.

Sách **Việt Đại ký** - 越大記 - của **Quách Phỉ** - 郭嚭 - từng ghi lại rằng, khi vết thương binh lửa vừa mới khởi phát, dòng người lưu tán vì đói khát đã lên đến hàng ngàn. Mạc Thiên Phú bấy giờ dùng lời lẽ can trường để cảm hóa, lấy nhân nghĩa để xoa dịu niềm thống khổ, lại hết lòng chu cấp vật lực, khiến dân chúng đồng lòng quy hướng, tranh nhau thọ nhận ân huệ.

Lại gặp lúc địa phương rối ren, bọn gian ác ẩn nấp trong thành quách, kết đảng hoành hành, cậy thế nhiễu dân, khiến xóm làng quen thuộc cũng phủ bóng bất an. Sau nhiều lần phủ quan khảo hạch, nghị tội, có không ít người vô tội bị vạ lây. Trước tình cảnh ấy, Mạc Thiên Phú kín đáo trình bày với quận thủ, cùng nhau biện giải lẽ phải, rồi cho yết bảng cáo dụ khắp làng thôn. Nhờ uy tín và sự cẩn trọng của ông, những kẻ nhân danh công vụ để gây thêm tai họa phải kiêng dè, dân chúng nhờ đó tránh được nhiều oan khuất.

Thấy chư sinh hiếu học mà y phục thô sơ, không đủ nghi dung để hành lễ, ông liền cấp phát tiền tài và quan phục, giúp họ giữ trọn lễ nghĩa nơi học đường. Thấy nông dân khốn khó, sản nghiệp tiêu điều, trâu bò, ruộng đất và nông cụ đều thiếu thốn, ông bèn phân phát gia súc, cấp giống gieo trồng, khuyến khích phục hồi canh tác. Ông lại dâng sớ lên cấp trên, xin dùng tiền chuộc tội để xóa

bỏ những án sai, giúp mọi việc dần trở về yên ổn.

Nhờ đức trị sâu dày, lòng người quy phục, cương giới hanh thông, cơ nghiệp địa phương từng bước phục hưng. Nếu đem so với điển tích Lỗ Cung trị lý huyện Trung Mưu thuở trước, hiền danh của Mạc Thiên Phú cũng không hề kém cạnh. Ông không chỉ là một vị quan có tài trị sự, mà còn là người biết lấy lòng dân làm gốc, lấy giáo hóa làm phương, lấy khoan hòa và công chính để dựng lại trật tự sau những tháng ngày biến động.

Khi giữ ấn **Phủ Điền lệnh** nơi đất Phúc Kiến, Mạc Thiên Phú chính sự hanh thông, công nghiệp lẫy lừng. Đến niên hiệu Vạn Lịch năm thứ ba, tuế thứ Ất Hợi 1575, dưới triều Đại Minh, ông được long trọng cất nhắc làm **Chủ sự Bộ Hình** tại xứ Mân Nam. Đức độ của ông như núi cao, chính tích của ông lan xa, khiến quan dân Phủ Điền đều kính phục.

Bá tính vùng Tứ Thượng bên bờ bắc Tứ Thủy cảm niệm ân đức, đồng lòng tôn ông là bậc Minh lệnh. Ông buông rèm trị sự, ban rải thiện chính, nuôi dưỡng dân sinh, khiến dân gian truyền tụng câu ca:“**Xưa có Hải Khang, nay ngời Tứ Thượng**” - 昔有海康□ 今有泗上.

Câu ca ấy là lời ngợi khen dành cho một vị quan biết đem phép trị bình từ quê hương Hải Khang tỏa sáng nơi đất Phủ Điền, khiến một phương dân chúng được nương nhờ đức chính.

Dẫu về sau Mạc Thiên Phú đã khuất bóng vào cõi vĩnh hằng, nhưng anh linh và chính tích của ông vẫn như còn hiển hiện trong lòng dân. Sách **Lôi Châu phủ chí** - 雷州府志 - thời Thanh về sau còn nghiêm cẩn ghi lại rằng: *“Công nghiệp lẫy lừng soi tỏ nghìn thu, người Phủ Điền đời đời thương nhớ, khói hương thờ phụng vạn đại không dứt”.*

Từ chức Chủ sự, Mạc Thiên Phú tiếp tục bước lên bậc cao hơn trong quan chế, giữ chức **Nam Hình bộ Lang trung** - 南刑部郎中. Ở cương vị cầm cân nảy mực, ông nổi tiếng cẩn trọng, xét đoán công minh, không để sai lệch dù là việc nhỏ.

Khi vâng mệnh triều đình làm Thái thú đất Đại Lý, vùng Vân Nam xa xôi, ông vẫn một lòng hướng về dân chúng cùng khổ. Ông thân hành thăm nom những người bệnh tật, nghèo khó, mở rộng chính sách cứu tế, từng bước vực dậy một vùng biên viễn đang chìm trong khốn đốn.

Chính sự của ông tại Vân Nam được dân chúng ca ngợi sâu sắc. Ông bãi bỏ những hình thức lao dịch cưỡng bức đè nặng lên dân nghèo, giảm nhẹ sưu thuế khai khoáng, cứu xét lại nhiều án oan, giúp hàng trăm người thoát khỏi cảnh hàm oan. Nơi dân chúng lầm than, ông mở kho chẩn cấp kẻ sa cơ, nuôi dưỡng

người già yếu; lại lập học đường để bồi dưỡng nhân tài cho quốc gia.

Nhờ vậy, đất Vân Nam khi ấy vang vọng khúc ca Thiệu - Đỗ, bia Đức Chính được dựng lên sừng sững giữa trời xanh, ghi tạc công nghiệp của một bậc tôi hiền biết thương dân, trọng học và giữ gìn phép nước.

Đến niên hiệu Vạn Lịch năm thứ tư, tuế thứ Bính Tý 1576, dưới triều Đại Minh, Mạc Thiên Phú được long trọng thăng chức **Phó sứ đạo Hữu Giang** đất Quảng Tây. Nhưng chí lớn chưa kịp thi thố trọn vẹn, cờ lệnh chưa kịp trao tay, thì ngôi sao hiền thần đã vội tắt. Ông đột ngột tạ thế tại gia phủ, để lại niềm tiếc thương sâu nặng trong lòng sĩ dân và tông tộc.

Suốt cuộc đời làm quan, Mạc Thiên Phú một lòng vì dân, vì nước, lấy tiết tháo làm gốc, lấy nhân nghĩa làm đường, lấy công chính làm phép xử thế. Sĩ phu đất Lôi Châu ca tụng ông là bậc tiết tháo phi thường, tài học uyên bác, có phong thái như bậc danh thần xưa tái thế để nâng đỡ điển chương.

Trong sách **Việt Đại ký** - 越大記 - sử gia Quách Phỉ đã trang trọng ghi tên ông vào hàng tôi hiền có "**lòng lành, đức cả**" - 良心□ 盛德. Đó không chỉ là lời khen dành cho một vị quan tài năng, mà còn là sự xác nhận của lịch sử đối với một nhân cách lớn: người đã dùng học vấn để lập thân, dùng chính sự để giúp đời, và dùng đức hạnh để làm sáng rỡ gia phong họ Mạc.

Từ Mạc Thiên Phú, truyền thống khoa bảng và quan nghiệp của Mạc tộc Đông Lĩnh đạt đến một đỉnh cao rực rỡ. Ông là minh chứng sống động cho tinh thần Dịch Thế Y Quan - 奕世衣冠 - đời đời nối tiếp áo mũ quan trường. Và chính từ mạch nguồn văn hiến ấy, nhiều thế hệ sau, Cư sĩ Mạc Cửu đã mang theo khí chất của một dòng họ trọng nghĩa, trọng học, trọng dân, để rẽ sóng về phương Nam, khai mở cơ nghiệp Hà Tiên nơi cõi An Nam.

Đôi nét về tác giả

Lý Khánh Tân - 李慶新 - là học giả Trung Quốc chuyên nghiên cứu lịch sử hàng hải, lịch sử giao thông biển, lịch sử Hoa kiều hải ngoại và quan hệ giao lưu giữa Trung Hoa với thế giới bên ngoài. Ông sinh năm Nhâm Dần 1962, quê ở Yết Tây, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Từ thuở còn trẻ, Lý Khánh Tân đã sớm bộc lộ thiên hướng đối với sử học và con đường khảo cứu cổ kim. Ông theo học tại Đại học Trung Sơn - 中山大學 - ở Quảng Châu và tốt nghiệp Cử nhân ngành Lịch sử. Sau đó, ông tiếp tục theo đuổi con đường học thuật chuyên sâu tại Đại học Nam Khai - 南開大學 - ở Thiên

Tân, nơi ông nhận học vị Tiến sĩ Sử học. Không dừng lại ở đó, ông còn tiếp tục nghiên cứu tại Viện Lịch sử và Địa lý thuộc Đại học Phúc Đán - 復旦大學 - ở Thượng Hải, một trong những trung tâm học thuật danh tiếng của Trung Quốc.

Hiện nay, Lý Khánh Tân giữ chức **Viện trưởng Viện Lịch sử và Nghiên cứu Tôn Trung Sơn** thuộc **Viện Khoa học Xã hội Quảng Đông** - 廣東省社會科學院歷史與孫中山研究所. Đồng thời, ông là Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử Đại dương Quảng Đông, chuyên phụ trách các hướng nghiên cứu liên quan đến lịch sử biển, giao thông hàng hải, thương mại đại dương và mạng lưới giao lưu khu vực.

Bên cạnh hoạt động nghiên cứu và quản lý học thuật, ông còn đảm nhiệm vai trò Tổng biên tập tạp chí Nghiên cứu Lịch sử Hàng hải, một ấn phẩm học thuật quan trọng thuộc hệ thống CSSCI của Trung Quốc. Qua vai trò này, ông góp phần thúc đẩy các nghiên cứu về lịch sử hàng hải, con đường tơ lụa trên biển, sự di chuyển của cộng đồng Hoa kiều và quá trình giao lưu văn hóa - thương mại giữa Trung Quốc với Đông Nam Á cũng như các khu vực ven biển Á châu.

Trong giới sử học Trung Quốc, Lý Khánh Tân còn tham gia nhiều tổ chức học thuật chuyên ngành. Ông từng giữ các chức vụ quan trọng trong các hội nghiên cứu về lịch sử giao thông, lịch sử Hoa kiều hải ngoại, lịch sử kinh tế Trung Quốc và lịch sử quan hệ đối ngoại. Tại Quảng Đông, ông cũng là một trong những học giả có nhiều đóng góp cho hoạt động nghiên cứu và tổ chức học thuật của Hội Lịch sử tỉnh Quảng Đông.

Ngoài ra, Lý Khánh Tân còn tham gia ban biên tập và hội đồng học thuật của nhiều tạp chí, diễn đàn nghiên cứu như **Nghiên cứu Lý thuyết Lịch sử, Con đường Tơ lụa, Nghiên cứu Học thuật và Khoa học Xã hội Quảng Đông**. Tầm hoạt động học thuật của ông không chỉ giới hạn trong phạm vi Trung Quốc, mà còn mở rộng đến các mạng lưới nghiên cứu quốc tế về lịch sử toàn cầu, lịch sử biển và giao lưu văn minh.

Ông cũng từng được mời làm nhà nghiên cứu hoặc chuyên gia học thuật tại nhiều trung tâm nghiên cứu lớn, trong đó có Trung tâm Hợp tác Đổi mới và Nghiên cứu Biển Nam Trung Hoa thuộc Đại học Nam Kinh, Trung tâm Công nghiệp Văn hóa Biển thuộc Đại học Quảng Châu, và Cơ sở Nghiên cứu Văn hóa Di dân thuộc Đại học Phúc Đán.

Với nền tảng học thuật sâu rộng, Lý Khánh Tân được xem là một trong những học giả tiêu biểu trong lĩnh vực lịch sử hàng hải Trung Quốc và lịch sử giao lưu Trung Quốc - Đông Nam Á. Những nghiên cứu của ông góp phần quan trọng vào

việc phục dựng các tuyến thương mại biển, hoạt động di dân, mạng lưới Hoa kiều và vai trò của các cộng đồng ven biển trong tiến trình lịch sử khu vực.

Trong bối cảnh nghiên cứu về dòng họ Mạc, Hà Tiên và không gian giao thương biển phương Nam, các công trình của Lý Khánh Tân có giá trị tham khảo đáng kể. Chúng giúp người đọc nhìn thấy rõ hơn mối liên hệ giữa Lôi Châu, Quảng Đông, Vịnh Bắc Bộ, Đông Nam Á và vùng đất Hà Tiên - nơi Cư sĩ Mạc Cửu về sau đã khai mở một cơ nghiệp lớn trong lịch sử phương Nam.

Tác giả: **Lý Khánh Tân/**Biên dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: www.gdass.org - 廣東省社會科學院